



ĐỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 309/QĐ-TTĐT ngày 11/9/2026 của TTĐT KV Chi Lăng)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí...	
	Phí...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
I	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
I	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí...	
	Phí...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	83
I	Nguồn ngân sách trong nước	83
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	0
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	0
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ.	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	0
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	0
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	0
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	83
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	83
5	Chi bảo đảm xã hội	0
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0

Số TT	Nội dung	Dự toán
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
II	Nguồn vốn viện trợ	0
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Dự án A	0
1.2	Dự án B	0
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0
2.1	Dự án A	0
2.2	Dự án B	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	0
3.1	Dự án A	0
3.2	Dự án B	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0
4.1	Dự án A	0
4.2	Dự án B	0
5	Chi bảo đảm xã hội	0
5.1	Dự án A	0
2.2	Dự án B	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0
6.1	Dự án A	0
6.2	Dự án B	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
7.1	Dự án A	0
7.2	Dự án B	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
8.1	Dự án A	0
8.2	Dự án B	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0
9.1	Dự án A	0
9.2	Dự án B	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0
10.1	Dự án A	0
10.2	Dự án B	0
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Dự án A	0
1.2	Dự án B	0
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0
2.1	Dự án A	0
2.2	Dự án B	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	0
3.1	Dự án A	0
3.2	Dự án B	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0
4.1	Dự án A	0
4.2	Dự án B	0
5	Chi bảo đảm xã hội	0
5.1	Dự án A	0
2.2	Dự án B	0

Số TT	Nội dung	Dự toán
6	Chi hoạt động kinh tế	0
6.1	Dự án A	0
6.2	Dự án B	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
7.1	Dự án A	0
7.2	Dự án B	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
8.1	Dự án A	0
8.2	Dự án B	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0
9.1	Dự án A	0
9.2	Dự án B	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0
10.1	Dự án A	0
10.2	Dự án B	0